TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-PT
Ngày: 30/12/2022
V/ v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế, bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Ông Đỗ Quang Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2022/KDTM-PT ngày 03/10/2022, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2022/KDTM-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T N có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐ-PT ngày 03/11/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH TMCP QT VN

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1, tầng trệt và tầng hai Tòa nhà Sailinh Tower, số 111A P, phường B N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, ông Hoàng Văn P, ông Lê Trung K; Cán bộ Ngân hàng (Ông T, ông K có mặt, ông P vắng mặt).

Bị đơn:

1. Ông Hạ Văn Q, sinh năm 1976; vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 7, phường Quang T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Bà Đinh Thị Thanh T1, sinh năm 1980; vắng mặt

HKTT: Tổ 10, phường Trưng V1, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Phường T X B, quận T X, thành phố H N

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thành phố T N

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công I, chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố T N; có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc H; Phó chi cục trưởng; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971; có mặt

Địa chỉ: Tổ 4, phường P Đ P, TP. T N, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 07, phường Đ Q, TP. T N, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ngày 08/11/2013, ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1 ký hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên vay số tiền 1.200.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 0685CN/HĐTD/34 và Khế ước nhận nợ số 0685CN/KUNN/34 ngày 08/11/2013, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh bia rượu nước giải khát; Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 08/11/2013 đến ngày 08/11/2014; Lãi suất vay: 7,77%/năm trong 03 tháng đầu tiên, lãi suất từ tháng thứ 4 trở đi, điều chỉnh 01 tháng/lần và được điều chỉnh bằng lãi suất cho vay của sản phẩm cho vay cá nhân kinh doanh do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của VIB từng thời kỳ; Trả nợ gốc: cuối kỳ, trả nợ lãi: vào ngày 10 hàng tháng; Ngày trả lãi đầu tiên là ngày 10/12/2013.

Để bảo đảm cho khoản vay ông Q, bà T đã thế chấp thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27, diện tích 80m^2 và tài sản gắn liền với đất, tại phường Trưng V1, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố T N cấp ngày 01/10/2012 mang tên ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/11/2012 được Văn phòng Công chứng Phía Nam Thành Phố chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Q và bà T đã trả cho VIB được 144.563.577 đồng, trong đó lãi trong hạn 143.050.334 đồng, lãi quá hạn 1.513.243 đồng, nợ gốc chưa thanh toán. Do ông Q và bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với VIB, nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 11/8/2014.

VIB đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1 trả cho VIB tổng số tiền là: 3.182.164.785 đồng, trong đó: nợ gốc 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn: 53.146.541 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 08/7/2022 là 1.929.018.244 đồng. Ông Q bà T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc từ ngày 08/7/2022 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Q, bà T không

trả được nợ thì VIB có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì ông Q, bà T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong.

Đại diện VIB không đồng ý với Bản án số 01/2016/HCST ngày 08/6/2016 Tòa án nhân dân thành phố T N và Bản án số: 08/2016/HCPT ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã bác đơn khởi kiện của ông Q, bà T đối với Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Q, bà T. Đại diện VIB cho rằng UBND thành phố T N thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Q, bà T là không đúng. Vì, trước khi Chi cục thi hành án dân sự thành phố T N ra Quyết định kê biên QSD đất của bà Đinh Thu T2 thì thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27 đã được bà T2 chuyển nhượng cho ông Q, bà T và đã được UBND phường Trưng V1, thành phố T N chứng thực. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hồi nợ, quyền và lợi ích hợp pháp của VIB đối với khoản nợ của ông Q, bà T theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên.

Bị đơn ông Hạ Văn Q, bà Đinh Thị Thanh T1 trình bày:

Vợ chồng ông, bà thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, Chi nhánh T N theo Hợp đồng tín dụng số ngày 08/11/2013. Nhất trí với những nội dung về khoản tiền gốc, tiền lãi như Ngân hàng trình bày.

Để bảo đảm cho khoản vay tại VIB, vợ chồng ông, bà đã thế chấp thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27, diện tích 80 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Trưng V1, thành phố T N, UBND thành phố T N cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 01/10/2012 mang tên ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1.

Ngày 23/5/2014, ông Q có nhận được quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố T N về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất thế chấp nêu trên. Vợ chồng ông, bà đã khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố T N. Tại Bản án số 01/2016/HCST ngày 08/6/2016 Tòa án nhân dân thành phố T N và Bản án số: 08/2016/HCPT ngày 30/9/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã đã bác yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Ngân hàng VIB khởi kiện yêu cầu ông, bà trả khoản vay theo hợp đồng tín dụng, ông Q, bà T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N trình bày:

Từ tháng 8/2009 đến tháng 4/2010, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N (sau đây viết tắt là Chi cục Thi hành án) ra quyết định thi hành án cho 01 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do Tòa án nhân dân thành phố T N chuyển đến và 03 Bản án, Quyết định do người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Cụ thể như sau:

- Bản án dân sự sơ thẩm số 45/DSST ngày 30/11/2009 của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên buộc bà Đinh Thu T2 phải trả cho ông Trần Văn T3 số tiền:

887.495.798 đồng. Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/BPKCTT ngày ngày 11/8/2009 phong tỏa tài sản nhà và đất thửa số 284, tờ bản đồ số 27, diện tích 80m^2 GCNQSD đất mang tên Đinh Thu T2.

- Bản án dân sự phúc thẩm số 17/DSPT ngày 09/04/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên buộc bà Đinh Thu T2 phải trả cho bà Nguyễn Thanh H3, số tiền: 890.285.599 đồng.

- Quyết định công nhận sự thỏa thuận các đương sự số 148/QĐST-HĐVTS ngày 23/12/2009 của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên, buộc bà Đinh Thu T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Việt H4, số tiền 120.000.000 đồng.

Quá trình tổ chức thi hành án: Chấp hành viên tiến hành xác định bà T2 có tài sản là nhà và đất tại thửa số 284, tờ bản đồ số 27, diện tích 80m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Thu T2, do ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1 quản lý. Ông Q, bà T cho rằng nhà và đất trên bà Thuỷ đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Q, bà T được UBND phường Trưng V1 chứng thực ngày 08/5/2008. Tài sản nhà, đất trên của bà T2 hiện đang thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo khoản vay 1.670.000.000 đồng.

Ngày 21/02/2011, TAND tỉnh Thái Nguyên ra Bản án số 07/2011/DSPT xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 45/DSST ngày 30/11/2009. Ngày 29/9/2011, TAND TP T N xét xử lại ra Bản án số 44/DSST buộc bà Đinh Thu T2 phải trả ông Trần Văn T3 800.000.000đ, ông Toản tiếp tục làm đơn yêu cầu thi hành án.

Căn cứ vào Bản án số 44/DSST ngày 29/9/2011 và các Bản án khác có hiệu lực, ngày 12/01/2012 Chấp hành viên ra Quyết định số 08/QĐ-THA tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản; ngày 12/01/2012 ban hành Công văn số 16/CV-THA phối hợp thi hành án và Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản số 13/QĐ-CCTHADS ngày 12/01/2012 đồng thời giao cho Phòng tài nguyên và môi trường UBND TP. Thái Nguyên và UBND phường Trưng V1.

Ngày 13/7/2012, TAND TP. Thái Nguyên ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 107/2012/DSST về "Tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" giữa nguyên đơn ông Q, bà T với bị đơn bà T2. Ngày 14/9/2012 TAND TP. Thái Nguyên ra Quyết định số 03/2012/QĐST "Quyết định buộc đương sự thực hiện quy định về hình thức của hợp đồng" giữa Nguyên đơn ông Q, bà T với bị đơn là bà T2. Ngày 01/10/2012 ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1 đã được Ủy ban nhân dân TP Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Đại diện Phòng tài nguyên và môi trường TP. Thái Nguyên thừa nhận đã nhận được Quyết định kê biên tài sản số 13 ngày 12/01/2012; Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản số 08 ngày 12/01/2012; Công văn đề nghị phối hợp trong công tác THADS số 16/CV-CCTHA ngày 12/01/2012 của Chi cục THADS TP. Thái Nguyên nhưng Phòng TNMT TP Thái Nguyên không dừng việc chuyển nhượng tài sản mà lại căn cứ vào Quyết định số 03/QĐ-TA ngày 14/9/2012 của TAND TP. Thái Nguyên về

buộc thực hiện hình thức của hợp đồng cho bà T2 chuyển nhượng tài sản đang bị kê biên để thi hành án và đề xuất lãnh đạo UBND TP Thái Nguyên cấp GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01/10/2012 cho ông Q, bà T.

Ngày 28/3/2014 UBND thành phố T N ra Quyết định số 4276/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất của ông Q, bà T. Vợ chồng ông Q, bà T đã khởi kiện Quyết định hành chính đối với Quyết định 4276/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND TP Thái Nguyên. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 08/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T N và Bản án hành chính phúc thẩm số 08/2016/HCPT ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND thành phố T N về việc thu hồi GCNQSD đất của ông Q, bà T.

Ngày 05/4/2017, Chi cục THADS thành phố tiếp tục ra Thông báo số 150/TB-THADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án, hướng dẫn ông Q, bà T khởi kiện tại Tòa án để giải quyết tranh chấp trong thời hạn 30 ngày theo qui định tại Khoản 1 Điều 75 Luật thi hành án dân sự, nhưng ông Q, bà T không khởi kiện tranh chấp tài sản kê biên. Chi cục thi hành án đã ký hợp đồng thẩm định giá và bán đấu giá tài sản cho bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ 11 (nay là tổ 7), phường Đ Q, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 10/9/2018 bà Đinh Thu T2 (người phải thi hành án) ông Hạ Văn Q (người đang quản lý tài sản) đã tự nguyện giao tài sản cho bà Nguyễn Thị H.

Việc Chi cục thi hành án cưỡng chế kê biên và bán đấu giá thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27, diện tích 80m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND TP Thái Nguyên cấp mang tên Đinh Thu T2 để thi hành án là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện UBND thành phố T N trình bày:

Ngày 14/4/2008, bà Đinh Thị Thu T4 cư trú tại tổ 21, phường Trưng V1, thành phố T N được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 284 tờ bản đồ số 27, diện tích 80m^2, tại phường Trưng V1 thành phố T N.

Ngày 08/5/ 2008, bà T2 lập hợp đồng chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất số 284 tờ bản đồ số 27, diện tích 80m^2 cho ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1. Hợp đồng chuyển nhượng nộp tại bộ phận địa chính phường Trưng V1 và đã được UBND phường Trưng V1 chứng thực xong. Ngày 13/01/2012, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố nhận được Quyết định số 08/QĐ-THA ngày 12 tháng 01 năm 2012 "Về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với và Đinh Thu T2 của Chi cục thi hành án.

Sau khi có Quyết định cưỡng chế, kê biên, ông Q và bà T khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất tại Tòa án nhân dân thành phố T N. Ngày 14/9/2012, Tòa án nhân dân thành phố T N ban hành Quyết định số 03/2012/QĐDS Quyết định buộc các đương sự thực hiện quy định về hình thức của hợp đồng.

Ngày 01/10/2012 UBND thành phố T N ban hành Quyết định số 11134/QĐ-UBND phê duyệt cấp Giấy chứng nhận QSD đất thửa số 284, tờ bản đồ số 27, diện tích 80 m^2, phường Trưng V1, thành phố T N cho hộ ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1.

Sau khi có khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ý kiến chỉ đạo của Thành uỷ, ngày 28/3/2014, UBND thành phố T N ban hành Quyết định số 4276/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1. Lý do thu hồi, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Đinh Thu T2 đang bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N kê biên. Căn cứ thu hồi giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1 đã được xem xét bằng Bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 22/6/2022 Tòa án nhân dân thành phố T N đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1. Buộc ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2022 là: 3.182.164.785 đồng; trong đó: nợ gốc 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn: 53.146.541 đồng, lãi quá hạn: 1.929.018.244 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0685CN/HĐTD/34 và Khế ước nhận nợ số 0685CN/KUNN/34 ngày 08/11/2013.

Kể từ ngày 09/7/2022, ông Q, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi trên tổng số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ trên cho đến khi trả xong khoản nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27, phường Trưng V1, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên, UBND thành phố T N cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 01/10/2012 mang tên ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0621/ HĐTC/34 ngày 06/11/2012 vô hiệu toàn bộ không còn giá trị bảo đảm cho việc thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng số 0685CN/HĐTD/34.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/8/2022 nguyên đơn VIB kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không nhất trí với quyết định về việc không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản của Toà án cấp sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VIB với ông Hạ Văn Q, bà Đinh Thị Thanh T1.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, cho rằng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Thuỷ với ông Q bà T có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng thế chấp tài sản của ông Q, bà T cho VIB phù hợp với quy định của pháp luật, cơ quan Thi hành án bán đấu giá tài sản

đang thế chấp cho Ngân hàng là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VIB, nếu ông Q bà T không trả được khoản nợ nêu trên, thì VIB có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng VIB, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, thấy:

[3] Về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Tân, bà Quy trả khoản tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0685CN/HĐTD/34 và Khế ước nhận nợ số 0685CN/KUNN/34 ngày 08/11/2013 giữa VIB, Chi nhánh Thái Nguyên với ông Hạ Văn Q, bà Đinh Thị Thanh T1 và lời thừa nhận của ông Q, bà T có đủ căn cứ xác định ông Q bà T còn nợ VIB số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2022 là: 3.182.164.785 đồng; trong đó: nợ gốc 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn: 53.146.541 đồng, lãi quá hạn: 1.929.018.244 đồng. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của VIB, buộc ông Q, bà T phải trả cho VIB số tiền nêu trên là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, nội dung này các bên đương sự không kháng cáo, không bị kháng nghị.

[4] Về yêu cầu phát mại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Q bà T, xét thấy:

Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27, diện tích 80 m2 và tài sản gắn liền với đất giữa bà T2 với ông Q, bà T ký kết năm 2008, được UBND phường chứng thực, nhưng chưa đăng ký quyền sử dụng đất tại

văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 168 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 46 Luật đất đai 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên chưa có hiệu lực pháp luật. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà T, thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27 đang bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N kê biên để thi hành án.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND thành phố T N cấp ngày 01/10/2012 cho ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1 đã bị UBND thành phố T N thu hồi theo Quyết định số 4276/QĐ-UBND. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 08/06/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T N và Bản án phúc thẩm số 08/2016/HCPT ngày 30/09/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà T về yêu cầu hủy quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4276/QĐ-UBND của UBND thành phố T N.

Thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27 và tài sản gắn liền với đất là tài sản ông Q bà T thế chấp cho Ngân hàng VIB không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Q, bà T mà về pháp lý thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Đinh Thu T2, đang bị Chi cục thi hành án kê biên để đảm bảo nghĩa vụ của bà Thuỷ theo bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất giữa bà Thuỷ với ông Q, bà T vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. UBND thành phố T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà T là không đúng, nên đã ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Căn cứ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố T N là đúng quy định của pháp luật, đã được xác định bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 284 là tài sản thế chấp, Chi cục thi hành án đã bán đấu giá để đảm bảo nghĩa vụ cho người phải thi hành án. Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Q, bà T với VIB để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của ông Q bà T có đối tượng không thể thực hiện được theo quy định tại Điều 411 Bộ luật dân sự năm 2005 nên vô hiệu toàn bộ. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của nguyên đơn Ngân hàng VIB.

Theo nhận định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 08/06/2016 của Toà án nhân dân thành phố T N, thì VIB chưa bị thiệt hại trong việc UBND thành phố T N thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp. Ngân hàng VIB cũng đã tham gia tố tụng trong vụ án hành chính này với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có ý kiến, yêu cầu đề nghị gì.

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 284 và tài sản gắn liền trên đất là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng VIB.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; Giữ nguyên bản án bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2022/KDTM-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng: Điều 122, 127, 411; Điều 168 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều Điều 46 Luật đất đai 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1.

Buộc ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0685CN/HĐTD/34 và Khế ước nhận nợ số 0685CN/KUNN/34 ngày 08/11/2013 giữa VIB, Chi nhánh Thái Nguyên với ông Hạ Văn Q, bà Đinh Thị Thanh T1 là: 3.182.164.785 đồng; trong đó: nợ gốc 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn: 53.146.541 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 08/7/2022 là: 1.929.018.244 đồng.

Kể từ ngày 09/7/2022, ông Q, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi trên tổng số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 27, phường Trưng V1, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên, UBND thành phố T N cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 01/10/2012 mang tên ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thị Thanh T1. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0621/HĐTC/34 ngày 06/11/2012 vô hiệu toàn bộ không còn giá trị bảo đảm cho việc thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng số 0685CN/HĐTD/34.

3. Về án phí: Ông Hạ Văn Q và bà Đinh Thanh T1 phải chịu 95.643.295 đồng *(Chín mươi lăm triệu sáu trăm bốn ba nghìn hai trăm chín lăm đồng)* án phí KDTM sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, trong đó phần mỗi người phải nộp là 47.821.647 đồng *(Bốn mươi bẩy triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bẩy đồng)*.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chịu 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.400.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003381 ngày 14/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N. Hoàn lại cho N H TMCP QTVN, Chi nhánh T N tiền tạm ứng án phí là 23.400.000 đồng *(Hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Án phí phúc thẩm: N H TMCP QTVN phải chịu 2.000.000 án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc

thẩm; Hoàn trả N H TMCP QTVN, Chi nhánh Thái Nguyên 1.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000030 ngày 24/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố T N;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Quý Sửu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quế **Nguyễn Minh Lý** **Hoàng Quý sửu**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố T N;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.**M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Quý Sửu